

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3926/STC-DNHTĐT ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Quyết định và dự thảo Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Tại điểm c khoản 5 Điều 23 của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định:

“Điều 23. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

c) Ban hành quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch, bao gồm các nội dung chủ yếu: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra; lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra; nội dung, trình tự kiểm tra; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra; theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra; các nội dung khác (nếu có). Quy trình kiểm tra phải phù hợp với quy định pháp luật và không chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh;”.

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”

Căn cứ các quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An

Giang là *cần thiết và đúng thẩm quyền*.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Dự thảo Quy trình quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định về hoạt động kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. *Cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.*
2. *Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.*
3. *Các cơ quan chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước Trung ương đặt tại tỉnh An Giang (ngành dọc).*
4. *Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.”*

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Điều chỉnh Điều 1 dự thảo Quy trình theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản

2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.”

Lưu ý: trình bày viện dẫn theo quy định tại khoản 38 Điều 1 của Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“38. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 68 như sau:

“1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản....”.

b) Rà soát sự phù hợp của cụm từ “*về hoạt động*” tại Điều 1 dự thảo Quy trình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Rà soát quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy trình đã đầy đủ, phù hợp chưa “*Cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.*”

b) Rà soát đối tượng áp dụng đầy đủ, thống nhất với nội dung dự thảo Quy trình.

III. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dự thảo Quyết định theo Mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ **dấu gạch ngang** dưới tên Quyết định; bỏ các dòng thẩm quyền ký ban hành: **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG** và **QUYẾT ĐỊNH**.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát căn cứ ban hành theo quy định tại Điều 62 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 62. Căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật

... Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”

Bên cạnh đó, điều chỉnh cách trình bày một số căn cứ như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số...../TTr-STC ngày ... tháng ... năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.”

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát **điều chỉnh, bổ sung** Nơi nhận theo quy định tại điểm b khoản 8 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“8. Dấu và nơi nhận trên văn bản quy phạm pháp luật

b) Tùy theo nội dung của văn bản, nơi nhận văn bản có thể gồm:

- Cơ quan giám sát, kiểm tra việc triển khai thi hành văn bản;
- Cơ quan công báo;
- Cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai thi hành văn bản;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;
- Đơn vị lưu văn bản và đơn vị soạn thảo văn bản.”

IV. DỰ THẢO QUY TRÌNH

1. Nhằm đảm bảo quy định tại Mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dòng địa danh, ngày, tháng, năm ban hành.

2. Điều 3

a) Các nguyên tắc tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 3 dự thảo Quy trình về cơ bản thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành, do đó, đề xuất cơ quan soạn thảo quy định theo hướng viện dẫn. Trường hợp cơ quan soạn thảo nhận thấy cần thiết quy định cụ thể, đề nghị bỏ cụm từ “*không chồng chéo, trùng lặp với*” thứ 2 tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Quy trình nhằm tránh trùng lặp từ ngữ; đề xuất tách 2 nội dung tại khoản 4 thành 2 khoản.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “*các Khu công nghiệp tỉnh An Giang*” hay “*các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang*”; quy định cụ thể “*Ban Quản lý Khu kinh tế*” có phù hợp không do hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 Ban Quản lý Khu kinh tế. Đồng thời, rà soát, quy định đầy đủ cụm từ “*Ban Quản lý*” tại đầu trang 2 nhằm đảm bảo tính phù hợp, thống nhất.

3. Điều 4

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*tổ chức thực hiện kiểm tra*” thành “*kiểm tra*” hoặc “*có thẩm quyền kiểm tra*” do Điều 4 dự thảo Quy trình quy định về “*thẩm quyền kiểm tra*”. Việc sử dụng cụm từ “*tổ chức thực hiện kiểm tra*” sẽ gây khó khăn trong việc xác định thẩm quyền do cụm từ này mang tính chất mô tả hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, cách quy định này cũng dễ dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất giữa cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện kiểm tra trên thực tế.

Đồng thời, nhằm tránh trường hợp khó khăn trong thực hiện khi Quy trình được ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định thẩm quyền kiểm tra đầy đủ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và Điều 20, 21, 22 của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 6. Thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân trong phạm vi được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước.

Chi cục trưởng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi được phân cấp quản lý.”

“Điều 20. Cơ quan đăng ký kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã), bao gồm:

1. Ở cấp tỉnh:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh;

b) Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao;

c) Cơ quan đăng ký kinh doanh quy định tại điểm a và điểm b khoản này (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) có tài khoản và con dấu riêng.

2. Ở cấp xã: Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có tài khoản và con dấu riêng để phục vụ công tác đăng ký kinh doanh.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh

6. Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

5. Trực tiếp theo dõi, kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.”

4. Điều 5

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xác định nội dung quy định tại Điều 5 đã phù hợp với tên Điều là “*Hình thức kiểm tra*” hay chưa; theo đó, điều chỉnh quy định bảo đảm thống nhất giữa tên Điều và nội dung.

Lưu ý: việc kiểm tra “*trực tiếp, trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử*” là “*phương thức kiểm tra*” hay “*hình thức kiểm tra*”, nếu là “*phương thức kiểm tra*” thì quy định tại Điều 5 dự thảo Quy trình có phù hợp không; đồng thời, nội dung này cũng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 dự thảo Quy trình.

b) Tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 13. Địa điểm, thời hạn kiểm tra chuyên ngành

1. Đoàn kiểm tra làm việc tại trụ sở, nơi làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng kiểm tra, trụ sở cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra hoặc tại nơi tiến hành kiểm tra, xác minh theo kế hoạch tiến hành kiểm tra.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết, phù hợp quy định “*trường hợp kiểm tra trực tiếp thì thực hiện tại trụ sở chính hoặc địa điểm kinh doanh*” tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Quy trình (Điều 5 quy định về “*Hình thức kiểm tra*”).

5. Điều 6

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cách trình bày chủ thể kiểm tra tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy trình thống nhất, phù hợp với Điều 4 dự thảo Quy trình.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*gia hạn 01 lần không quá 05 ngày*” thành “*gia hạn một lần, không quá 05 ngày*”; “*gia hạn 01 lần không quá 03 ngày*” thành “*gia hạn một lần, không quá 03 ngày*” tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy trình.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đánh giá sự cần thiết quy định thời hạn kiểm tra được tính từ ngày nào.

6. Điều 7

a) Nhằm tránh trường hợp khó khăn, vướng mắc, cần văn bản hướng dẫn thực hiện khi Quy trình được ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ ràng, cụ thể chủ thể đối với quy định “*cấp có thẩm quyền phê duyệt*” .

b) Quy định về điều chỉnh kế hoạch kiểm tra tại Điều 4 dự thảo Quy trình còn mang tính khái quát, chưa xác định cụ thể các trường hợp được điều chỉnh kế hoạch; trong đó, cụm từ “*thay đổi đột xuất*” chưa rõ ràng, có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất trong thực tiễn. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể các trường hợp được điều chỉnh kế hoạch kiểm tra. Đồng thời, cần quy định rõ về hình thức, thẩm quyền điều chỉnh và trách nhiệm công khai kế hoạch điều chỉnh nhằm bảo đảm tính chặt chẽ, minh bạch và thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

7. Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định điểm e khoản 2 Điều 8 dự thảo

Quy trình phù hợp (sự phù hợp của cụm từ “*Trong trường hợp cần thiết phối hợp với các đơn vị có liên quan trong công tác:*”; bỏ dấu ba chấm “...” nhằm đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch của văn bản và đề xuất điều chỉnh cụm từ “... *an toàn thực phẩm, ... Các nội dung quản lý ...*” thành “... *an toàn thực phẩm, và các nội dung quản lý ...*”).

8. Điều 9

a) Điểm b khoản 2 Điều 9 dự thảo Quy trình quy định về yêu cầu đối với “*Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra*”, như vậy, trường hợp Đoàn kiểm tra có “*Phó Trưởng đoàn*” thì có yêu cầu gì không, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định đầy đủ, phù hợp.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cụm từ “*Đoàn kiểm tra*” hay “*đoàn kiểm tra*”.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định rõ đối với quy định “*Nội dung kiểm tra đã thực hiện.*” tại điểm b khoản 5 Điều 9 dự thảo Quy trình.

d) Điểm d khoản 5 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 dự thảo Quy trình quy định:

“*5. Báo cáo kết quả kiểm tra*

c) Báo cáo kết quả kiểm tra là cơ sở để ban hành kết luận kiểm tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra

1. Kết luận kiểm tra được ban hành trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra và việc xử lý sau kiểm tra; việc tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra phải bảo đảm đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.”

Nhằm tránh trường hợp quy định trùng lặp về nội dung, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định điểm d khoản 5 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 dự thảo Quy trình phù hợp.

Bên cạnh đó, điểm d khoản 5 Điều 9 dự thảo Quy trình quy định “*Báo cáo kết quả kiểm tra là cơ sở để ban hành kết luận kiểm tra...*”, nhưng dự thảo trong quy trình kiểm tra chưa quy định bước về “*kết luận kiểm tra*”, chỉ quy định về “*Tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra*” tại Điều 10, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định phù hợp.

9. Chương III

a) Nhằm đảm bảo đúng quy định được giao tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và thống nhất với Điều 11, 12 dự thảo Quy trình, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*TRÁCH NHIỆM*” thành “*CÔNG TÁC*” tại tên Chương III.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định đầy đủ nội dung theo quy định được giao và tên Điều tại 11, 12 dự thảo Quy trình (**Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin** và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động kiểm tra nội dung...)

c) Đề xuất cơ quan soạn thảo không quy định cụ thể tên phòng thuộc Sở Tài chính trong dự thảo nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong trường hợp tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc Sở có sự thay đổi hoặc được điều chỉnh, chuyển giao theo quy định.

10. Chương IV

a) Nhằm đảm bảo theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 23 của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Chương IV thành “*THEO DÕI, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA; ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA*”.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định rõ chủ thể thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 13 dự thảo Quy trình.

11. Điều 15

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định “*Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra*” tại điểm a khoản 2 Điều 15 dự thảo Quy trình do Điều 9 đã có quy định đối với việc phát hiện vi phạm khi kiểm tra.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày thứ tự điểm “c.” thành “c)”; đồng thời, rà soát, điều chỉnh thống nhất dấu câu cuối các điểm tại Điều 15 và toàn bộ dự thảo Quy trình.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp (về thẩm quyền, sự cần thiết) đối với việc quy định tại khoản 3 Điều 15 dự thảo Quy trình.

V. TỜ TRÌNH DỰ THẢO

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung tại Tờ trình dự thảo theo ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này và lưu ý một số nội dung sau:

1. Do Tờ trình dự thảo là văn bản hành chính nên đề nghị điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại điểm b khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư, cụ thể:

“6. Nội dung văn bản

b) Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.”

2. Điều chỉnh cơ sở pháp lý, thực tiễn phù hợp (trình bày cụ thể Điều, khoản, điểm là căn cứ ban hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung; cơ sở thực tiễn đang trình bày là cơ sở pháp lý).

3. Điều chỉnh cụm từ “UBND” thành “Ủy ban nhân dân”, “công văn” thành “Công văn”; thống nhất cách trình bày “ngày/tháng/năm” thành “ngày ... tháng ... năm”.

4. Điều chỉnh đầy đủ, chính xác bố cục và nội dung cơ bản (văn bản bao gồm Quyết định và Quy trình).

5. Điều chỉnh nội dung cuối Tờ trình như sau:

“Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tài chính xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: dự thảo Quyết định; dự thảo Quy trình; Bản so sánh, thuyết minh dự thảo; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm định; Bản (Báo cáo) tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.)”

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 07 tháng 4 năm 2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1279/QĐ-UBND ban hành danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, trong đó, thống nhất giao Sở Tài chính tham mưu xây dựng Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định, lấy ý kiến góp ý tại Công văn số 3157/STC-DNHTĐT ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc lấy ý kiến dự thảo Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Sở Tài chính đã tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 3926/STC-DNHTĐT.

VII. KẾT LUẬN

Dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo các ý kiến tại Mục III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, bpthao.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc